

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán nhà nước  
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà
2. Mã chứng khoán: SDC
3. Trụ sở chính: Nhà G9, số 495, đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, quận Thanh Xuân – Thành phố Hà Nội.
4. Điện thoại : 0243.8542209 Fax: 0243.8545855
5. Người công bố thông tin: Đinh Văn Duẩn
6. Nội dung của thông tin công bố:

Báo cáo tài chính Công ty mẹ bán niên 2022 của Công ty cổ phần Tư vấn Sông Đà lập ngày 08/8/2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Giải trình biến động kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021:

+ Doanh thu 6 tháng đầu năm 2022 giảm 10,5 tỷ đồng tương ứng giảm 39% so với cùng kỳ năm 2021 nhưng do công tác quản lý chi phí tốt nên lợi nhuận gộp chỉ giảm 223 triệu đồng. Nguyên nhân doanh thu giảm do lĩnh vực thủy điện truyền thống của công ty không còn nhiều công trình lớn, công ty gặp khó khăn trong việc tìm kiếm việc làm, một số dự án mới thi công chưa đến giai đoạn nghiệm thu.

+ Chi phí tài chính 6 tháng đầu năm 2022 tăng 554 triệu đồng so với cùng kỳ 2021 do 6 tháng đầu năm 2021 Công ty được hoàn nhập khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán 709 triệu đồng.

Với các nguyên nhân chủ yếu trên đã làm cho lợi nhuận sau thuế tại báo cáo tài chính bán niên năm 2022 của Công ty mẹ giảm 463 triệu đồng tương ứng giảm 41,6% so với cùng kỳ năm 2021.

Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: [www.sdcc.com.vn](http://www.sdcc.com.vn)

Chúng tôi cam kết các thông tin được công bố trên đây đúng là sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổng giám đốc;
- Website Công ty ;
- Lưu: TCNS.



**Đinh Văn Duẩn**



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP  
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH  
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2022**

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
TỰ VẤN SÔNG ĐÀ**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét độc lập thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	12 - 31

\*\*\*\*\*





**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Tư vấn Xây dựng Sông Đà theo Quyết định số 1680/QĐ-BXD ngày 28 tháng 10 năm 2004 của Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100105454, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 2 năm 2005 với số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 0100105454, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 13 tháng 6 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp về bổ sung ngành nghề kinh doanh.

**Trụ sở chính:**

- Địa chỉ : G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại : 0243 8 542 209
- Fax : 0243 8 545 855

**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà – Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Nhà G10, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Ông Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch	Ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ông Đinh Văn Duẩn	Thành viên	Ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên	Ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ông Cù Văn Vinh	Thành viên	Ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ông Phạm Anh Đức	Thành viên	Ngày 09 tháng 6 năm 2020

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm
Bà Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	Ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ông Trần Thế Anh	Thành viên	Ngày 09 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	Ngày 09 tháng 6 năm 2020

**Ban điều hành, quản lý**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/ tái bổ nhiệm
Ông Đinh Văn Duẩn	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2020
Ông Nguyễn Văn Hoàng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018
Ông Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2021
Ông Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	Tái bổ nhiệm ngày 01 tháng 8 năm 2018



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**  
**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Đinh Văn Duẩn - Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 09 tháng 6 năm 2020).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

**Tổng Giám đốc**



**Đinh Văn Duẩn**

Ngày 08 tháng 8 năm 2022







**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>68.052.947.592</b>	<b>66.708.659.628</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>2.047.530.230</b>	<b>3.713.632.327</b>
1. Tiền	111		1.347.530.230	3.013.632.327
2. Các khoản tương đương tiền	112		700.000.000	700.000.000
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>4.000.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	4.000.000.000	4.100.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>36.189.933.772</b>	<b>41.735.929.059</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3a	49.682.392.371	55.134.697.770
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		74.710.435	214.960.435
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	7.034.044.240	7.034.044.240
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	7.685.018.385	7.936.313.399
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(28.286.231.659)	(28.584.086.785)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>25.688.102.631</b>	<b>16.804.585.248</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	25.688.102.631	16.804.585.248
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>127.380.959</b>	<b>354.512.994</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	127.380.959	354.512.994
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>17.218.157.222</b>	<b>17.606.610.451</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>13.553.318.894</b>	<b>14.081.905.466</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3b	13.533.318.894	14.061.905.466
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	20.000.000	20.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>2.110.116.308</b>	<b>2.134.548.036</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.110.116.308	2.134.548.036
<i>Nguyên giá</i>	222		17.958.007.714	17.563.007.714
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(15.847.891.406)	(15.428.459.678)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
<i>Nguyên giá</i>	228		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>1.299.582.679</b>	<b>1.198.270.827</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	1.837.000.000	1.837.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	2.950.134.564	2.950.134.564
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(3.587.551.885)	(3.588.863.737)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2a	100.000.000	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>255.139.341</b>	<b>191.886.122</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	255.139.341	191.886.122
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>85.271.104.814</b>	<b>84.315.270.079</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>36.167.596.132</b>	<b>33.695.555.618</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>32.257.903.723</b>	<b>29.738.863.209</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.789.053.054	1.267.894.019
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.10	9.689.800.707	8.084.519.642
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	533.854.359	1.427.718.066
4. Phải trả người lao động	314		6.290.489.601	6.763.425.009
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		46.881.818	86.818.182
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12a	8.525.706.977	8.814.378.440
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.13a	3.835.614.940	2.084.907.584
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	1.546.502.267	1.209.202.267
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.909.692.409</b>	<b>3.956.692.409</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		3.580.692.409	3.580.692.409
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.12b	300.000.000	300.000.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.13b	29.000.000	76.000.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>49.103.508.682</b>	<b>50.619.714.461</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.15</b>	<b>49.103.508.682</b>	<b>50.619.714.461</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		26.097.100.000	26.097.100.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		8.502.618.712	8.502.618.712
5. Cổ phiếu quỹ	415		(620.000)	(620.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		13.487.458.313	13.487.458.313
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.016.951.657	2.533.157.436
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		367.368.636	2.533.157.436
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		649.583.021	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>85.271.104.814</b>	<b>84.315.270.079</b>

Người lập biểu



Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng



Lê Minh Quyết

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đình Văn Dẫn



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	16.195.399.840	26.732.095.216
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		16.195.399.840	26.732.095.216
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	11.563.458.271	21.876.318.316
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.631.941.569	4.855.776.900
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		194.596.319	128.626.880
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	92.687.071	(461.603.057)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		93.998.923	248.372.797
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	3.908.569.024	4.033.442.244
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		825.281.793	1.412.564.593
11. Thu nhập khác	31		350.000	6.986.364
12. Chi phí khác	32	VI.5	7.322.413	28.208.455
13. Lợi nhuận khác	40		(6.972.413)	(21.222.091)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		818.309.380	1.391.342.502
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	168.726.359	278.401.972
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		649.583.021	1.112.940.530
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.6	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.6	-	-

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Ngày 08 tháng 8 năm 2022



Tổng Giám đốc

Đinh Văn Dẫn



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		818.309.380	1.391.342.502
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	419.431.728	394.126.383
- Các khoản dự phòng	03	VI.4	(299.166.978)	(1.338.182.964)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(190.764.949)	(135.613.244)
- Chi phí lãi vay	06	VI.3	93.998.923	248.372.797
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		841.808.104	560.045.474
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.494.594.804	584.908.729
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(8.883.517.383)	3.370.398.519
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		224.258.492	(975.971.986)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		163.878.816	302.248.005
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(93.998.923)	(248.372.797)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.11	(222.916.493)	(80.156.438)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.14	(262.700.000)	(145.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(1.738.592.583)</b>	<b>3.368.099.506</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9	(395.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	6.986.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	260.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		68.607.130	164.323.098
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(326.392.870)</b>	<b>431.309.462</b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.13	4.532.920.931	6.429.954.596
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.13	(2.829.213.575)	(9.120.263.643)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>398.883.356</i>	<i>(3.995.133.047)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<i>50</i>		<i>(1.666.102.097)</i>	<i>(195.724.079)</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>3.713.632.327</i>	<i>3.217.091.448</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<i>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>2.047.530.230</i>	<i>3.021.367.369</i>

Người lập biểu

Phạm Minh Thuận

Kế toán trưởng

Lê Minh Quyết

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đình Văn Dẫn



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Cấu trúc Công ty

##### *Công ty con*

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà có trụ sở chính tại thôn Lai Xá, xã Thanh Thủy, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là khai thác, xử lý và cung cấp nước. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty con này là 73,5%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

##### *Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Xí nghiệp Khảo sát Xây dựng	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà - Trung tâm Thí nghiệm Xây dựng Sông Đà	Nhà G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 149 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 159 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

#### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### 2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

#### 3. Các khoản đầu tư tài chính

##### *Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dự thu

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

##### *Các khoản đầu tư vào công ty con.*

###### *Công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

###### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính..

### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các năm trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các năm sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của đơn vị được đầu tư, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại đơn vị và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc kỳ kế toán nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại đơn vị đó.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## 4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản công nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được xác định cho từng công trình như sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{cuối năm} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \\ \text{đầu năm} \end{array} + \begin{array}{r} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát sinh} \\ \text{trong năm} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Giá vốn} \\ \text{hàng bán} \\ \text{trong năm} \end{array}$$

Trong đó: Giá vốn hàng bán của công trình được xác định bằng doanh thu ghi nhận trong năm nhân với (x) tỷ lệ khoán chi phí của công trình.

Giá xuất kho nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### 6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

##### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 24 tháng.

##### *Chi phí sửa chữa tài sản cố định*

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 36 tháng.

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

#### 8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	5 – 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5

### 9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### 10. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Vốn khác của chủ sở hữu*

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

### 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

#### 12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### 13. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

#### 14. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

#### 15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

### 16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 18. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	50.239.967	37.173.685
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.297.290.263	2.976.458.642
Các khoản tương đương tiền <sup>(*)</sup>	700.000.000	700.000.000
<b>Cộng</b>	<b>2.047.530.230</b>	<b>3.713.632.327</b>

<sup>(\*)</sup> Là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng. Toàn bộ số tiền này đã được dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Láng Hạ (xem thuyết minh số V.13).

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn - Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	4.000.000.000	4.100.000.000
Dài hạn - Tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.100.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Láng Hạ có số dư là 1.100.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13)



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngắn hạn - Tiền gửi kỳ hạn trên 3 tháng đến 12 tháng	4.000.000.000	4.100.000.000
Dài hạn - Tiền gửi kỳ hạn trên 12 tháng	100.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>4.100.000.000</b>	<b>4.100.000.000</b>

Khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để cầm cố đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – chi nhánh Láng Hạ có số dư là 1.100.000.000 VND (xem thuyết minh số V.13)

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>1.837.000.000</b>	<b>(1.187.551.885)</b>	<b>1.837.000.000</b>	<b>(1.188.863.737)</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà <sup>(i)</sup>	1.837.000.000	(1.187.551.885)	1.837.000.000	(1.188.863.737)
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>2.950.134.564</b>	<b>(2.400.000.000)</b>	<b>2.950.134.564</b>	<b>(2.400.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie <sup>(ii)</sup>	2.400.000.000	(2.400.000.000)	2.400.000.000	(2.400.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà <sup>(iii)</sup>	550.134.564	-	550.134.564	-
<b>Cộng</b>	<b>4.787.134.564</b>	<b>(3.587.551.885)</b>	<b>4.787.134.564</b>	<b>(3.588.863.737)</b>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0800921560 thay đổi lần thứ 4 ngày 22 tháng 7 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà 2.500.000.000 VND. Công ty đầu tư vào Công ty này 1.837.000.000 VND, tương đương 183.700 CP, chiếm 73,5% vốn điều lệ (không thay đổi so với số đầu năm).

(ii) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie thông qua ủy thác đầu tư cho Tổng công ty Sông Đà – CTCP số tiền 2.400.000.000 VND. Công ty Cổ phần Cao su Phú Riêng Kratie đang lập hồ sơ, thủ tục phá sản, do đó, khoản đầu tư này đã được Công ty trích lập dự phòng 100%.

(iii) Công ty nắm giữ 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà (số đầu năm là 88.034 cổ phiếu, tương đương 0,88% vốn điều lệ).

##### Giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 1.082.818.200 VND. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

##### Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

##### Giao dịch với công ty con

Công ty không phát sinh giao dịch với công ty con.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 3. Phải thu của khách hàng

##### 3a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>24.916.550.998</b>	<b>26.179.803.125</b>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	4.975.443.705	5.560.373.070
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.182.896.478	3.212.896.478
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	567.548.245	623.926.495
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	1.454.518.763	1.454.518.763
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.940.911.742	1.426.475.381
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	1.313.753.826
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	1.669.436.018	1.669.436.018
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	1.015.702.346	1.015.702.346
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	2.938.951.714	2.614.563.940
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	338.416.876	338.416.876
Công ty TNHH MTV Sông Đà 10.1	358.209.064	358.209.064
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	75.000.000
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	17.582.000	17.582.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	5.605.812.092	5.605.812.092
Công ty TNHH điện Xekaman 3	351.604.776	351.604.776
Công ty Cổ phần Sông Đà 3 - Đăklo	283.028.501	541.532.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A	216.488.678	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>24.765.841.373</b>	<b>28.954.894.645</b>
<b>Cộng</b>	<b>49.682.392.371</b>	<b>55.134.697.770</b>

##### 3b. Phải thu dài hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<b>8.182.674.453</b>	<b>8.916.418.923</b>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	2.795.378.892	2.910.449.527
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	2.450.641.762	3.131.009.944
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	18.164.783	18.164.783
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	602.691.813	602.691.813
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	499.214.314	437.519.967
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm He	716.265.675	716.265.675
Công ty TNHH MTV Hạ tầng Sông Đà	10.586.000	10.586.000
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	855.860.755	855.860.755
Công ty TNHH Xekaman 3	233.870.459	233.870.459
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>5.350.644.441</b>	<b>5.145.486.543</b>
<b>Cộng</b>	<b>13.533.318.894</b>	<b>14.061.905.466</b>

#### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Là khoản cho Công ty Cổ phần Điện Việt Lào (là bên liên quan) vay với lãi suất theo lãi suất của Tổng công ty Sông Đà - CTCP, thời hạn vay là 12 tháng kể từ ngày 12 tháng 6 năm 2012, khoản vay được gia hạn lần thứ 5 tới ngày 12 tháng 12 năm 2020.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 5. Phải thu khác

##### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	<b>6.068.709.593</b>	<b>(4.711.094.625)</b>	<b>6.068.709.593</b>	<b>(4.711.094.625)</b>
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào - Lãi cho vay	6.068.709.593	(4.711.094.625)	6.068.709.593	(4.711.094.625)
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>1.616.308.792</b>	<b>-</b>	<b>1.867.603.806</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	1.017.993.061	-	1.314.848.973	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sông Đà - Cổ tức	120.017.150	-	120.017.150	-
Dự thu lãi tiền gửi ngân hàng	154.351.244	-	32.193.425	-
Ký quỹ, ký cược	51.213.750	-	54.102.652	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	272.733.587	-	346.441.606	-
<b>Cộng</b>	<b>7.685.018.385</b>	<b>(4.711.094.625)</b>	<b>7.936.313.399</b>	<b>(4.711.094.625)</b>

##### 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

#### 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
<b>Các bên liên quan</b>	<b>21.441.618.973</b>	<b>(17.688.265.433)</b>	<b>21.471.618.973</b>	<b>(17.470.504.653)</b>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	5.450.652.284	(4.597.725.548)	5.450.652.284	(4.597.725.548)
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	3.182.896.478	(3.182.896.478)	3.212.896.478	(3.212.896.478)
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	10.872.201.014	(9.069.395.241)	10.872.201.014	(8.821.634.461)
Các đơn vị khác	1.935.869.197	(838.248.166)	1.935.869.197	(838.248.166)
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.000.296.050</b>	<b>(10.597.966.226)</b>	<b>17.758.352.735</b>	<b>(11.113.582.132)</b>
<b>Cộng</b>	<b>33.441.915.023</b>	<b>(28.286.231.659)</b>	<b>39.229.971.708</b>	<b>(28.584.086.785)</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	28.584.086.785	27.422.239.608
Trích lập dự phòng bổ sung	1.032.821.434	193.943.782
Hoàn nhập dự phòng	(1.330.676.560)	(822.150.892)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>28.286.231.659</b>	<b>26.794.032.498</b>

#### 7. Hàng tồn kho

Là chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của các công trình:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công trình Thủy điện Nam Emoun	983.769.729	321.511.401
Công trình Thủy điện Xekaman 3	2.582.763.325	2.641.261.866
Công trình Thủy điện Đăklô	1.276.787.109	1.135.923.394
Công trình Thủy điện Nam Phak	9.305.129.189	-
Công trình Thủy điện Yaly mở rộng	1.425.102.921	-
Các công trình khác	10.114.550.358	12.705.888.587
<b>Cộng</b>	<b>25.688.102.631</b>	<b>16.804.585.248</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	100.830.959	226.493.763
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	26.550.000	128.019.231
<b>Cộng</b>	<b>127.380.959</b>	<b>354.512.994</b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	219.523.461	151.997.362
Các chi phí trả trước dài hạn khác	35.615.880	39.888.760
<b>Cộng</b>	<b>255.139.341</b>	<b>191.886.122</b>

#### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	5.788.013.550	6.066.754.872	5.489.313.492	218.925.800	17.563.007.714
Mua trong kỳ	-	395.000.000	-	-	395.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>6.461.754.872</b>	<b>5.489.313.492</b>	<b>218.925.800</b>	<b>17.958.007.714</b>
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	5.788.013.550	3.659.585.781	3.262.495.310	218.925.800	12.929.020.441
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	5.788.013.550	4.869.658.180	4.551.862.148	218.925.800	15.428.459.678
Khấu hao trong kỳ	-	251.796.198	167.635.530	-	419.431.728
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>5.788.013.550</b>	<b>5.121.454.378</b>	<b>4.719.497.678</b>	<b>218.925.800</b>	<b>15.847.891.406</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	-	1.197.096.692	937.451.344	-	2.134.548.036
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>1.340.300.494</b>	<b>769.815.814</b>	<b>-</b>	<b>2.110.116.308</b>

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 769.815.814 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ.

#### 10. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>Trả trước của các bên liên quan</b>	<b>2.080.354.940</b>	<b>363.871.111</b>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	1.482.877	1.482.877
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	1.905.879.964	150.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	172.992.099	212.388.234
<b>Trả trước của các khách hàng khác</b>	<b>7.609.445.767</b>	<b>7.720.648.531</b>
<b>Cộng</b>	<b>9.689.800.707</b>	<b>8.084.519.642</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	1.025.843.517	960.518.856	(1.646.970.215)	339.392.158
Thuế thu nhập doanh nghiệp	157.124.082	168.726.359	(222.916.493)	102.933.948
Thuế thu nhập cá nhân	244.750.467	373.588.141	(526.810.355)	91.528.253
Thuế nhà đất	-	35.231.080	(35.231.080)	-
Tiền thuê đất	-	12.658.048	(12.658.048)	-
Thuế khác, Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	11.695.012	(11.695.012)	-
<b>Cộng</b>	<b>1.427.718.066</b>	<b>1.562.417.496</b>	<b>(2.456.281.203)</b>	<b>533.854.359</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	818.309.380	1.391.342.502
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	7.322.413	667.356
- Các khoản điều chỉnh tăng	7.322.413	667.356
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	825.631.793	1.392.009.858
Thu nhập tính thuế	825.631.793	1.392.009.858
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>165.126.359</b>	<b>278.401.972</b>
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	3.600.000	-
<b>Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>168.726.359</b>	<b>278.401.972</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Tiền thuê đất*

Công ty phải nộp tiền thuê đất với mức tiền thuê như sau:

*Tại khu đất G9, phường Thanh Xuân Nam, thành phố Hà Nội đang sử dụng làm trụ sở công ty*

Đất nằm ngoài chỉ giới mở đường (869,9 m<sup>2</sup>) làm văn phòng làm việc: 285.083 VND/m<sup>2</sup>/năm; làm thương mại, dịch vụ: 460.382 VND/m<sup>2</sup>/năm. Đất nằm trong chỉ giới mở đường (96,5 m<sup>2</sup>) làm văn phòng làm việc: 142.541 VND/m<sup>2</sup>/năm; làm thương mại dịch vụ: 230.191 VND/m<sup>2</sup>/năm.

*Tại phường Tân Thịnh, thành phố Hòa Bình đang sử dụng đặt trạm Thí nghiệm Hòa Bình*

Diện tích đất 720,7m<sup>2</sup>, đơn giá thuê đất là 83.200 VND/m<sup>2</sup>/năm; Diện tích đất 50,0m<sup>2</sup>, đơn giá thuê đất là 66.560 VND/m<sup>2</sup>/năm

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****12. Phải trả khác****12a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>798.660.000</b>	<b>665.550.000</b>
Tổng Công ty Sông Đà – CTCP	798.660.000	665.550.000
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>7.727.046.977</b>	<b>8.148.828.440</b>
Kinh phí công đoàn	582.764.845	623.490.724
Cổ tức phải trả các cổ đông khác	767.128.800	639.274.000
Tạm vay lương	5.639.069.178	5.851.244.780
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	738.084.154	1.034.818.936
<b>Cộng</b>	<b><u>8.525.706.977</u></b>	<b><u>8.814.378.440</u></b>

**12b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận đặt cọc tiền thuê mặt bằng của Công ty Cổ phần Dịch vụ Cà phê Cao Nguyên.

**13. Vay****13a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	3.758.614.940	1.994.907.584
<i>Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ<sup>(i)</sup></i>	2.282.497.474	1.994.907.584
<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân<sup>(ii)</sup></i>	1.476.117.466	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	77.000.000	90.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>3.835.614.940</u></b>	<b><u>2.084.907.584</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

(i) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Láng Hạ theo Hợp đồng tín dụng hạn mức để bổ sung vốn lưu động thực hiện các công trình đã ký kết hợp đồng. Lãi suất áp dụng tại từng thời điểm. Hạn mức cấp tín dụng tối đa là: 30.000.000.000 VND, hạn mức cho vay tối đa là 10.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng. Khoản vay không có tài sản đảm bảo. Các khoản bảo lãnh được đảm bảo bằng sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi hoặc ký quỹ bằng 5%/giá trị bảo lãnh đối với mỗi khoản bảo lãnh.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân theo hợp đồng số 02/2022-HĐCVHM/NHCT127-TVSD ngày 26 tháng 04 năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí điện nước, văn phòng, lương cán bộ công nhân viên. Hạn mức hợp đồng vay tối đa không vượt quá 5.000.000.000 VND. Thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 26/04/2023. Lãi suất cho vay của khoản nợ nào được xác định vào ngày giải ngân khoản nợ đó và sẽ được điều chỉnh vào ngày 15 của tháng cuối cùng của thời hạn điều chỉnh lãi suất. Tài sản bảo đảm là tất cả quyền, quyền sở hữu và quyền lợi ích đối với quyền sử dụng đất 966,4 m<sup>2</sup> tại địa chỉ 495 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội; Tài sản gắn liền với đất là tòa nhà 5 tầng dùng làm văn phòng làm việc.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Vay ngắn hạn ngân hàng</u>	<u>Vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	1.994.907.584	90.000.000	2.084.907.584
Số tiền vay phát sinh	4.532.920.931	-	4.532.920.931
Số kết chuyển từ vay dài hạn	-	47.000.000	47.000.000
Số tiền vay đã trả	(2.769.213.575)	(60.000.000)	(2.829.213.575)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.758.614.940</u></b>	<b><u>77.000.000</u></b>	<b><u>3.835.614.940</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 13b. Vay dài hạn

Là khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Láng Hạ để mua xe ô tô phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày ký hợp đồng tín dụng. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 03 tháng/01 lần. Tài sản bảo đảm là tài sản hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay ngân hàng dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	77.000.000	90.000.000
Trên 1 năm đến 5 năm	29.000.000	76.000.000
<b>Cộng</b>	<b>106.000.000</b>	<b>166.000.000</b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	76.000.000	171.000.000
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(47.000.000)	(64.000.000)
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>29.000.000</b>	<b>107.000.000</b>

#### 14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.203.202.267	600.000.000	(262.700.000)	1.540.502.267
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	6.000.000	-	-	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.209.202.267</b>	<b>600.000.000</b>	<b>(262.700.000)</b>	<b>1.546.502.267</b>





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**  
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022  
**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ** (tiếp theo)

**15. Vốn chủ sở hữu****15a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	1.994.610.677	50.081.167.702
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	1.112.940.530	1.112.940.530
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(557.528.000)	(557.528.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.304.824.000)	(1.304.824.000)
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.487.458.313</b>	<b>1.245.199.207</b>	<b>49.331.756.232</b>
Số dư đầu năm nay	26.097.100.000	8.502.618.712	(620.000)	13.487.458.313	2.533.157.436	50.619.714.461
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	649.583.021	649.583.021
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	(600.000.000)	(600.000.000)
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.565.788.800)	(1.565.788.800)
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>8.502.618.712</b>	<b>(620.000)</b>	<b>13.487.458.313</b>	<b>1.016.951.657</b>	<b>49.103.508.682</b>

**15b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng Công ty Sông Đà – CTPC	13.311.000.000	13.311.000.000
Các cổ đông khác	12.786.100.000	12.786.100.000
<b>Cộng</b>	<b>26.097.100.000</b>	<b>26.097.100.000</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)****15c. Cổ phiếu**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.609.710	2.609.710
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.710	2.609.710
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại	62	62
- Cổ phiếu phổ thông	62	62
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu phổ thông	2.609.648	2.609.648
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**15d. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2022 số 26/NQ/2022/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2022 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 1.565.788.800
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 600.000.000

**16. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ****16a. Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền ngoại tệ là 1.385,88 USD (số đầu năm là 1.391,09 USD).

**16b. Nợ khó đòi đã xử lý**

Là khoản nợ phải thu khách hàng đã xóa nợ, số tiền 40.418.000 VND (số đầu năm: 40.418.000 VND).

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

Là doanh thu cung cấp dịch vụ trong kỳ.

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty không phát sinh giao dịch cung cấp dịch vụ cho công ty con. Các giao dịch về cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	<b>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</b>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	368.181.818	2.762.582.132
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	-	355.284.069
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	910.602.196	678.230.000
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	-	387.986.119
Công ty Cổ phần Thủy điện Cần Đơn	37.037.037	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Sê San 3A	241.520.200	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	-	271.140.000



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

#### 2. Giá vốn hàng bán

Là giá vốn dịch vụ đã cung cấp trong kỳ.

#### 3. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	93.998.923	248.372.797
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	(1.311.852)	(709.975.854)
<b>Cộng</b>	<b>92.687.071</b>	<b>(461.603.057)</b>

#### 4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	2.942.286.296	3.189.982.742
Chi phí vật liệu quản lý	227.432.627	220.609.084
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.901.558	154.874.981
Chi phí khấu hao tài sản cố định	167.635.530	140.736.552
Thuế, phí và lệ phí	85.670.464	160.731.057
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(297.855.126)	(628.207.110)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	256.018.622	360.485.458
Các chi phí khác	446.479.053	434.229.480
<b>Cộng</b>	<b>3.908.569.024</b>	<b>4.033.442.244</b>

#### 5. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền phạt thuế	7.322.413	667.356
Chi phí khác	-	27.541.099
<b>Cộng</b>	<b>7.322.413</b>	<b>28.208.455</b>

#### 6. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

#### 7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.497.253.113	2.906.388.026
Chi phí nhân công	16.951.292.695	15.221.097.864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.431.728	394.126.383
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.445.385.533	907.120.461
Chi phí khác	1.042.181.609	3.994.710.903
<b>Cộng</b>	<b>24.355.544.678</b>	<b>23.423.443.637</b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

#### 8. Cam kết thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	313.462.114	313.462.114
Trên 1 năm đến 5 năm	1.253.848.456	1.253.848.456
Trên 5 năm	8.724.695.506	8.724.695.506
<b>Cộng</b>	<b><u>10.292.006.076</u></b>	<b><u>10.292.006.076</u></b>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng số tiền thuê 996,4 m<sup>2</sup> đất Nhà nước cho thuê 50 năm trả tiền thuê đất hàng năm là nơi đặt trụ sở chính của Công ty, địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội với giá thuê 537.593 VND/m<sup>2</sup> với 869,9 m<sup>2</sup> đất nằm ngoài chỉ giới mở rộng đường và 268.797 VND/m<sup>2</sup>/năm với 96,5 m<sup>2</sup> đất nằm trong chỉ giới mở đường. Thời hạn thuê đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 28 tháng 10 năm 2004.

Thông báo số 70271/TB - CT - QLĐ ngày 19 tháng 10 năm 2018 của Cục thuế Thành phố Hà Nội về việc bổ sung đơn giá thuê đất, thuê mặt nước qui định: Đơn giá thuê đất trong chỉ giới để làm Thương mại, dịch vụ là 460.382 VND/m<sup>2</sup>/năm; Đơn giá thuê đất ngoài chỉ giới để làm Thương mại, dịch vụ là 230.191 VND/m<sup>2</sup>/năm.

Theo Thông báo số 13225/TB-CCT-TBKT ngày 29 tháng 4 năm 2022 về việc nộp tiền thuê đất, thuê mặt nước của Chi cục Thuế quận Thanh Xuân thì tiền thuê đất năm 2022 Công ty phải nộp cho diện tích đất thuê tại địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi là 313.462.114 VND. Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của Hợp đồng thuê đất tại , địa chỉ 495 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội đã được điều chỉnh lại theo Thông báo số 13225/TB-CCT-TBKT của Chi cục thuế quận Thanh Xuân.

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch và công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không có công nợ và không phát sinh giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ**

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)***Thu nhập thực nhận của các thành viên quản lý chủ chốt*

		<b>Tiền lương</b>	<b>Thù lao</b>	<b>Tiền thưởng</b>	<b>Cộng</b>
<b>Kỳ này</b>					
<b>Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành</b>					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	249.985.247	-	-	249.985.247
Đình Văn Duẩn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	234.485.247	-	-	234.485.247
Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	155.824.979	-	-	155.824.979
Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	-	19.500.000	3.000.000	22.500.000
Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	60.943.867	-	-	60.943.867
Phùng Hồng Quảng	Phó Tổng Giám đốc	136.674.979	-	-	136.674.979
Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	141.209.138	-	-	141.209.138
<b>Ban kiểm soát</b>					
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	138.908.936	-	-	138.908.936
Trần Thế Anh	Thành viên	-	11.700.000	3.000.000	14.700.000
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	-	11.700.000	3.000.000	14.700.000
<b>Cộng</b>		<b>1.118.032.393</b>	<b>42.900.000</b>	<b>9.000.000</b>	<b>1.169.932.393</b>
<b>Kỳ trước</b>					
<b>Hội đồng quản trị và Ban quản lý, điều hành</b>					
Phạm Văn Mạnh	Chủ tịch HĐQT	182.525.000	-	-	182.525.000
Đình Văn Duẩn	Thành viên HĐQT/ Tổng Giám đốc	169.525.000	-	-	169.525.000
Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	114.325.000	-	-	114.325.000
Phạm Anh Đức	Thành viên HĐQT	-	-	22.000.000	22.000.000
Cù Văn Vinh	Thành viên HĐQT	-	-	16.000.000	16.000.000
Lê Minh Quyết	Kế toán trưởng	101.425.000	-	-	101.425.000
<b>Ban kiểm soát</b>					
Bùi Thị Kim Khánh	Trưởng ban	98.425.000	-	-	98.425.000
Trần Thế Anh	Thành viên	-	-	8.000.000	8.000.000
Nguyễn Quỳnh Trang	Thành viên	-	-	8.000.000	8.000.000
<b>Cộng</b>		<b>666.225.000</b>	<b>-</b>	<b>54.000.000</b>	<b>720.225.000</b>

**1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

	<b>Mối quan hệ</b>
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị và Nông thôn Sông Đà	Công ty con
Các Công ty Con của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Công ty cùng Tập đoàn
Các Công ty liên kết của Tổng Công ty Sông Đà - CTCP	Công ty liên kết của công ty mẹ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan như sau:

	<b>Kỳ này</b>	<b>Kỳ trước</b>
Tổng Công ty Sông Đà - CTCP		
Cổ tức phải trả	798.660.000	665.550.000
Tiền điện phải trả Công ty mẹ	161.935.707	193.253.994

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ



# CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: G9, phường Thanh Xuân Nam, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5, V.10, và V.12.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền.

## 2. Thông tin về bộ phận

### 2a. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố ở khu vực trong nước và khu vực nước ngoài. Tuy nhiên, doanh thu 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 tại khu vực nước ngoài không đáng kể nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận về khu vực địa lý trên báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

### 2b. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là cung cấp dịch vụ tư vấn thiết kế, thí nghiệm, khảo sát công trình,...

## 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Lập, ngày 08 tháng 8 năm 2022

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thuận

Lê Minh Quyết

Đình Văn Duẩn

